

NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ GIỚI TRONG PHÁP LUẬT, TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC

PHẦN 4, TỔNG TẬP "NGÀNH LUẬT & NGHỀ LUẬT"

KỶ YẾU TÓM TẮT HỘI THẢO NĂM 2023-2024

ISBN 978-604-79-3595-6

MỤC LỤC

Phần 1

NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ GIỚI TRONG PHÁP LUẬT

NỮ QUYỀN VÀ KHAI PHÓNG: MỘT SỐ GỢI Ý CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY <i>Nguyễn Thuỳ Dung</i>	4
PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIỚI TẠI NƠI LÀM VIỆC THEO PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM <i>Lê Thị Hồng Liễu</i>	5
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ THỰC TIỄN QUY ĐỊNH TRONG LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY <i>Phạm Thị Thuý Liễu</i>	7
BẢO VỆ QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM <i>Chu Thị Hương, Lê Thị Hồng Liễu</i>	8
BẢO ĐẢM QUYỀN CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Mai Thị Diệu Thúy</i>	10
QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA THEO CÔNG ƯỚC CEDAW VÀ LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI <i>Đoàn Thế Hùng, Nguyễn Thị Quý, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Lê Đức Hiền, Trần Thị Hiền Lương, Trần Lệ Loan</i>	11
BÌNH ĐẲNG GIỚI VỀ CƠ HỘI VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ: TỪ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT ĐẾN THỰC TIỄN THỰC THI <i>Võ Thị Hoài</i>	12
MỘT SỐ YẾU TỐ TIÊU CỰC ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC TỘI PHẠM XÂM HẠI TÌNH DỤC NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI <i>Nguyễn Chí Hiếu, Trần Văn Toán</i>	13
BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI CHUYÊN GIỚI NỮ (MTF) TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG TẠI VIỆT NAM: TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ ĐẢM BẢO BÌNH ĐẲNG, KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ THEO TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ <i>Nguyễn Đức Trí</i>	14
PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ THAI SẢN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ - THỰC TRẠNG VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN <i>Nguyễn Mộng Cẩm, Trần Hoàng Tuấn Đạt</i>	15
QUYỀN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ BẢO VỆ NỮ GIỚI TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG <i>Mai Kim Hân, Nguyễn Anh Quốc</i>	16
HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM <i>Võ Công Khôi</i>	17

PHÁP LUẬT VỀ CHUYÊN ĐỔI GIỚI TÍNH: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Phạm Thị Hồng My 18

ĐẢM BẢO QUYỀN AN SINH XÃ HỘI CỦA LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM

Trần Thị Lệ Hằng, Vũ Thị Uyên, Đào Thị Hồng Ngọc, Trần Phương Mai 19

XÃ HỘI HÓA PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI

Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Minh Truyền 21

Phần 2

NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ GIỚI TRONG TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC

GIỚI VÀ GIÁO DỤC GIỚI QUA THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Vân Anh 23

ẢNH HƯỞNG CỦA GIA ĐÌNH TỚI VIỆC XÁC ĐỊNH CÁC GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP PHÙ HỢP CỦA NỮ HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Ngô Thanh Thủy, Nguyễn Xuân An, Lê Thị Phương 24

BÀN VỀ GIỚI TRONG SỬ THI STIÊNG VÀ MNÔNG

Hà Thị Thới 25

NĂNG LỰC SỐ CỦA SINH VIÊN TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM: MỘT NGHIÊN CỨU SỰ KHÁC BIỆT VỀ GIỚI

Nguyễn Xuân An, Hoàng Vũ Linh Chi 26

Phần 1

NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ GIỚI TRONG PHÁP LUẬT

NỮ QUYỀN VÀ KHAI PHÓNG: MỘT SỐ GỢI Ý CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thuỳ Dung

Tóm tắt

Đảm bảo nữ quyền, khai phóng giáo dục là xu thế toàn cầu về phát triển bền vững và Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó. Đổi mới giáo dục đại học trong thời đại mới là hướng tới các giá trị bình đẳng, khai phóng, kiến tạo một thể hệ thích ứng với những thách thức, thay đổi trong tương lai dựa trên 03 trụ cột: “Con người tự do; công dân trách nhiệm và chuyên gia ưu tú” giúp người học phát triển 03 năng lực: Năng lực văn hoá; năng lực công dân; Năng lực chuyên môn (Giáo Tư Trung 2023, 432).

Đối với đào tạo cử nhân luật, tại Việt Nam đến nay có gần 100 cơ sở đào tạo Luật với 07 ngành đào tạo (Luật học; Luật kinh tế; Luật hiến pháp và hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật quốc tế; Luật thương mại quốc tế). Chương trình đào tạo được xây dựng bao gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương; khối kiến thức giáo dục nghề nghiệp (nhóm kiến thức bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành; nhóm kiến thức chuyên ngành luật; học phần thực tập; học phần tự chọn...). Với đặc thù là ngành thuộc khối xã hội, có số lượng sinh viên nữ chiếm đến 70-80%, các cơ sở đào tạo luật đã nỗ lực triển khai các chương trình, dự án để thu hẹp khoảng cách về giới, đổi mới chương trình đào tạo để tiệm cận với nền giáo dục của các quốc gia phát triển trên thế giới.

Tuy nhiên, dưới sự ảnh hưởng của các yếu tố có hữu về văn hoá, tư duy và chính trị, việc thực hiện nữ quyền, khai phóng giáo dục trong chương trình đào tạo cử nhân luật còn tồn tại một số tồn tại, hạn chế như: Chương trình đào tạo Luật nặng về lý thuyết, tính ứng dụng chưa cao; phương pháp và hình thức đào tạo mang nặng tính hình thức, chưa trao sự chủ động của người học; chuẩn đầu ra chưa đúng thực chất và đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội; chất lượng của đội ngũ quản lý giáo dục và giảng viên còn nhiều hạn chế; khả năng liên thông kiến thức giữa các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước còn hạn chế... Để khắc phục tồn tại, hạn chế cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp như: về mặt pháp luật (hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật); về mặt tổ chức (tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở đào tạo Luật; tăng cường hợp tác giữa các cơ sở đào tạo Luật và hợp tác quốc tế..) và về mặt con người (nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý giáo dục và giảng viên).

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Nguyễn Thuỳ Dung

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Khoa Luật và Lý luận chính trị, trường Đại học Thủy Lợi

Chức vụ: Giảng viên

Địa thoại: 0983.265.260

Email: thuydungnguyen.qa@gmail.com

Địa chỉ: Nhà C1 Trường Đại học Thủy Lợi số 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIỚI TẠI NƠI LÀM VIỆC THEO PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Lê Thị Hồng Liễu

Mục tiêu nghiên cứu

Bạo lực giới được hiểu là bạo lực nhằm vào một người vì lý do giới tính của người đó, nó có thể xuất hiện trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có quan hệ lao động. Có nhiều hình thức bạo lực giới tại nơi làm việc gây ảnh hưởng tiêu cực đến phụ nữ, làm hạn chế sự đóng góp của họ vào sự tiến bộ xã hội. Đây cũng là nguyên nhân cản trở sự phát triển bền vững của quốc gia trong xu hướng toàn cầu hoá. Việt Nam là quốc gia đầu tiên tại Châu Á tham gia Công ước Xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW). Đồng thời Bộ luật Lao động 2019 đã thể hiện rõ sự tích cực trong nỗ lực giải quyết bạo lực giới và xây dựng chính sách đảm bảo sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong lao động, việc làm nhằm tương thích với phong trào phụ nữ toàn cầu. Tuy nhiên, việc thực thi pháp luật lao động nhằm đẩy lùi nạn bạo lực giới vẫn còn hạn chế nhất định. Bài viết tập trung nghiên cứu về biểu hiện bạo lực giới tại nơi làm việc, phân tích các quy định pháp luật quốc tế và Việt Nam hiện hành, đánh giá thực tiễn công tác phòng chống bạo lực giới tại nơi làm việc và đề xuất một số giải pháp pháp lý nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong xu hướng hội nhập quốc tế.

Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết, tác giả sử dụng phương pháp khác nhau *như phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp* nhằm làm rõ các quy định pháp luật quốc tế và Việt Nam có liên quan đến hạn chế bạo lực giới tại nơi làm việc. *Phương pháp so sánh luật học* nhằm tìm đối chiếu các quy định pháp luật quốc tế với pháp luật Việt Nam, lý giải sự tương đồng và khác biệt hướng đến tiếp thu học hỏi kinh nghiệm pháp luật nước ngoài. Ngoài ra, bài viết sử dụng *phương pháp kết hợp lý luận và thực tiễn* nhằm tìm hiểu thực trạng pháp luật về công tác thực thi pháp luật lao động nhằm hạn chế bạo lực giới, qua đó đề xuất giải pháp pháp lý phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu

Bài viết nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp lý về phòng chống bạo lực giới tại nơi làm việc theo pháp luật Việt Nam hiện hành trên cơ sở đối chiếu quy định pháp luật quốc tế. Đánh giá những hạn chế, vướng mắc trong công tác thực thi pháp luật liên quan đến chế định này, từ đó đưa ra kiến giải có sự học hỏi chọn lọc nhằm hạn chế bạo lực giới trong quan hệ

lao động.

Kết luận

Hiện nay quy định pháp luật Việt Nam về phòng chống bạo lực giới tại nơi làm việc được đánh giá là khá tương đồng với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện pháp luật nhằm đảm bảo bình đẳng giới nói chung và bình đẳng giới trong quan hệ lao động nói riêng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Do đó, việc tìm hiểu và phân tích nguyên nhân đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm đẩy lùi tình trạng bất bình đẳng giới trong quá trình thực thi pháp luật lao động là nhu cầu cần thiết.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Lê Thị Hồng Liễu

Học hàm, học vị: Ncs. ThS

Cơ quan công tác: Khoa Luật, Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh

Chức vụ: Giảng viên

Điện thoại: 0909 238 289

Email: honglieu.dhl@gmail.com

Địa chỉ: 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ THỰC TIỄN QUY ĐỊNH TRONG LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

Phạm Thị Thuý Liễu

Tóm tắt

Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định đã quy định giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội và bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Hiện nay, các văn bản pháp luật đã ban hành và ghi nhận cụ thể các nội dung để bảo đảm thực hiện bình đẳng giới, đồng thời nâng cao vị thế của phụ nữ trong xã hội, trong đó các chính sách về bình đẳng giới trong hôn nhân và gia đình đã thể hiện nhất quán quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước về hôn nhân và gia đình. Bài viết của tác giả tập trung nghiên cứu các nội dung của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 liên quan đến giới và bình đẳng giới, từ đó đưa ra những đề xuất phù hợp.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Phạm Thị Thuý Liễu

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Vinh

Chức vụ: Phó trưởng khoa Luật kinh tế

Địa thoại: 0983529456

Email: phamthuylieu@gmail.com

Địa chỉ: số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢO VỆ QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Chu Thị Hương, Lê Thị Hồng Liễu

Mục tiêu nghiên cứu

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó¹. Bình đẳng giới là một trong những quyền con người quan trọng được ghi nhận trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế cũng như pháp luật nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, ngay từ Hiến pháp năm 1946, quyền bình đẳng nam, nữ đã được ghi nhận tại Điều 9: “Đàn bà ngang quyền đàn ông về mọi phương diện”. Nguyên tắc này được kế thừa và tiếp tục hoàn thiện trong các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 và 2013 của Việt Nam. Thời điểm hiện tại, theo quy định của Hiến pháp năm 2013, bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới, nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới² là định hướng xuyên suốt hệ thống pháp luật Việt Nam, được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật như Bộ luật Lao động, Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự... Đặc biệt, Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 không chỉ có những quy định xử lý hình sự đối với người có hành vi xâm phạm đến quyền bình đẳng giới mà còn có nhiều quy định bảo vệ quyền bình đẳng giới khác được lồng ghép trong cả phần Chung và phần Các tội phạm cụ thể. Tại bài viết này, sau khi nêu và phân tích một số vấn đề lý luận và pháp lý về bảo vệ quyền bình đẳng giới trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành, trên cơ sở đánh giá hạn chế, vướng mắc của quy định pháp luật, tác giả sẽ đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về vấn đề này.

Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết, tác giả chủ yếu sử dụng kết hợp phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp nhằm làm rõ một số vấn đề lý luận và quy định pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về bảo vệ quyền bình đẳng giới.

Kết quả nghiên cứu

¹ Khoản 3 Điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006

² Điều 26 Hiến pháp năm 2013: “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”.

Bài viết nghiên cứu những vấn đề lý luận về bình đẳng giới và bảo vệ quyền bình đẳng giới, quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về bảo vệ quyền bình đẳng giới, đánh giá hạn chế, vướng mắc của quy định pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về vấn đề này, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về bảo vệ quyền bình đẳng giới.

Kết luận

Hiện nay, vấn đề bảo vệ quyền bình đẳng giới đã được lồng ghép trong pháp luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, thực trạng pháp luật hình sự hiện hành về vấn đề này vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế. Do đó, tìm hiểu, đánh giá hạn chế, vướng mắc của quy định pháp luật hình sự nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền bình đẳng giới là cần thiết.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

1. Tác giả chính

Họ và tên: Chu Thị Hương

Học hàm, học vị: NCS. ThS

Cơ quan công tác: Khoa Khoa học quản lý, Trường Đại học Thủ Dầu Một

Chức vụ: Giảng viên

Điện thoại: 0938192008

Email: chuthihuong8x@gmail.com

Địa chỉ: Chương trình Luật, Khoa Khoa học quản lý, Trường ĐH Thủ Dầu Một, 06 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Đồng tác giả

Họ và tên: Lê Thị Hồng Liễu

Học hàm, học vị: NCS. ThS

Cơ quan công tác: Khoa Luật, Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ: Giảng viên

Địa thoại: 0909238289

Email: honglieu.dhl@gmail.com

Địa chỉ: 12 Nguyễn Văn Bảo, phường 4, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BẢO ĐẢM QUYỀN CHÍNH TRỊ CỦA PHỤ NỮ TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mai Thị Diệu Thúy

Tóm tắt

Trong thời đại pháp quyền, luật pháp là công cụ quan trọng và hiệu quả nhất để đề cao chủ quyền nhân dân, đề cao giá trị công bằng, công lý, bảo đảm và thực thi các quyền con người trong đó có quyền phụ nữ. Chính vì thế, việc ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền bằng công cụ pháp luật, luôn là mối quan tâm lớn đối với Đảng và Nhà nước ta.

Việt Nam luôn đánh giá cao những cống hiến của người phụ nữ đối với thắng lợi chung của toàn dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước và nhận thức sâu sắc rằng: họ hoàn toàn xứng đáng được hưởng quyền bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực đặc biệt là trong lĩnh vực chính trị. Chính vì thế, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam luôn theo đuổi chính sách và quyết tâm hành động vì bình đẳng giới và coi đó là một trong những ưu tiên đặc biệt mang bản chất của chế độ XHCN. Tuy nhiên, dù có nhiều nỗ lực, nhưng phụ nữ trên thực tế vẫn chưa được thực sự bình đẳng trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Ở Việt Nam, trong thời gian qua, phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào hệ thống chính trị, hệ thống công quyền và ngày càng có nhiều phụ nữ nắm giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị. Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân khác nhau, so với nam giới, tỷ lệ nữ tham gia đời sống chính trị vẫn vô cùng khiêm tốn và không đạt yêu cầu so với kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và mục tiêu phát triển chung. Cho nên, trên thực tế quyền chính trị của phụ nữ chưa thực sự được bảo đảm, gây ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân của người phụ nữ nói chung.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả đi sâu nghiên cứu thực trạng bảo đảm quyền chính trị của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay. Từ đó nhận diện những rào cản và thách thức làm cơ sở đề xuất những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền chính trị của phụ nữ trong thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện giá trị cốt lõi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: công nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Mai Thị Diệu Thúy

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Luật – Đại học Huế

QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA PHỤ NỮ TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ VĂN HÓA THEO CÔNG ƯỚC CEDAW VÀ LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

*Đoàn Thế Hùng, Nguyễn Thị Quý, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa,
Lê Đức Hiền, Trần Thị Hiền Lương, Trần Lệ Loan*

Tóm tắt

Quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế - xã hội và văn hóa là một trong những vấn đề quan trọng của nhân quyền, cần được bảo đảm và thực hiện đầy đủ. Thực tế cho thấy, phụ nữ Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực Kinh tế - xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, thách thức cần được giải quyết. Thông qua bài viết này, chúng tôi phân tích và làm rõ những vấn đề pháp lý quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực kinh tế xã hội, văn hóa theo Công ước CEDAW và Luật bình đẳng giới.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

1. Họ và tên: PGS.TS. Đoàn Thế Hùng

Học hàm, học vị: PGS.TS

Cơ quan công tác: Trường Đại học Quy Nhơn

Chức vụ: Trưởng Khoa

Email: doanthehung@qnu.edu.vn

2. Họ và tên: ThS. Lê Đức Hiền

Học hàm, học vị: ThS

Cơ quan công tác: Trường Đại học Quy Nhơn

Chức vụ: Giảng viên chính

Email: leduchien@qnu.edu.vn

3. Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

Học hàm, học vị: ThS

Cơ quan công tác: Trường Đại học Quy Nhơn

Chức vụ: Giảng viên chính

4. Họ và tên: ThS. Trần Thị Hiền Lương

Học hàm, học vị: ThS

Cơ quan công tác: Trường Đại học Quy Nhơn

Chức vụ: Giảng viên

5. Họ và tên: ThS. Trần Lệ Loan

Học hàm, học vị: ThS

Cơ quan công tác: Trường Đại học Quy Nhơn

Chức vụ: Giảng viên chính

6. Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Quý

Học hàm, học vị: ThS

Cơ quan công tác: Trường Đại học Công Nghệ Đồng Nai

Chức vụ: Giảng viên

BÌNH ĐẲNG GIỚI VỀ CƠ HỘI VIỆC LÀM ĐỐI VỚI PHỤ NỮ: TỪ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT ĐẾN THỰC TIỄN THỰC THI

Võ Thị Hoài

Tóm tắt

Phụ nữ ngày càng mong muốn được độc lập và tự chủ về tài chính. Nhưng dù quy định pháp luật và các biện pháp thực thi được Nhà nước đẩy mạnh nhằm đảm bảo được sự bình đẳng thực chất về cơ hội việc làm, việc làm thỏa đáng cho phụ nữ thì vẫn còn nhiều trở ngại khi người phụ nữ tham gia vào quá trình lao động có thu nhập. Bài viết tập trung nghiên cứu các vấn đề: (i) phân tích vai trò của bình đẳng giới trong cơ hội việc làm đối với phụ nữ; (ii) thực trạng và những vấn đề còn bất cập trong hệ thống pháp luật Việt Nam về cơ hội việc làm bình đẳng; (iii) thực tiễn thực hiện và những hiện tượng tồn tại bất bình đẳng giới khi phụ nữ tham gia vào quan hệ lao động; (iv) đề xuất một số kiến nghị trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật; (v) đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy việc thực thi có hiệu quả sự bình đẳng giới về cơ hội việc làm cho phụ nữ.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Võ Thị Hoài

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: GV Khoa Luật - Trường Đại học Sài Gòn

MỘT SỐ YẾU TỐ TIÊU CỰC ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC TỘI PHẠM XÂM HẠI TÌNH DỤC NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI

Nguyễn Chí Hiếu, Trần Văn Toán

Tóm tắt

Hiện nay, tình hình tội phạm xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi đang diễn biến hết sức phức tạp, gây tác động tiêu cực đến đời sống xã hội và để lại những hậu quả lâu dài về mặt tâm lý, sức khỏe của nạn nhân. Tuy nhiên, thực tế phản ánh quá trình giải quyết các vụ án xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi chịu tác động bởi nhiều yếu tố tiêu cực dẫn đến kết quả giải quyết vụ án không đúng đắn. Trong bài viết này, nhóm tác giả tập trung trình bày một số yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình giải quyết các vụ án xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi. Trên cơ sở đó, kiến nghị giải pháp để việc giải quyết các vụ án xâm hại tình dục người dưới 16 nhanh chóng, kịp thời, khách quan, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: **Nguyễn Chí Hiếu**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: giảng viên Khoa Luật trường Đại học Cần Thơ

Họ và tên: **Trần Văn Toán**

Cơ quan công tác: Chuyên viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI CHUYỂN GIỚI NỮ (MTF) TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG TẠI VIỆT NAM: TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ ĐẢM BẢO BÌNH ĐẲNG, KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ THEO TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Nguyễn Đức Trí

Tóm tắt

Theo báo cáo của Bộ Y tế, tại Việt Nam ước tính có khoảng 490.000 người chuyển đổi giới tính, bao gồm hai nhóm: thứ nhất là từ nam sang nữ (MTF: Male to Female) và từ nữ sang nam (FTM: Female to Male). Không giống với người đồng tính hay song tính có thể che giấu xu hướng tính dục, người chuyển đổi giới tính mong muốn bộc lộ bằng dạng giới thông qua việc chuyển đổi giới tính của mình, chính vì yếu tố này họ thường là đối tượng dễ bị kỳ thị và phân biệt đối xử hơn trong xã hội (Bộ Y tế 2022). Một nghiên cứu vào năm 2019 đã chỉ ra, tình trạng phân biệt đối xử tại nơi làm việc đối với nhóm người thuộc cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT) vẫn đang diễn ra khá nặng nề ở nhiều khía cạnh tại nơi làm việc (Nguyễn Thị Kim Ngân và An Thanh Ly, 2019, 77). Thông qua bài viết này, tác giả sẽ tổng hợp và phân tích thực trạng pháp luật trong quan hệ lao động ở các khía cạnh liên quan đến đảm bảo bình đẳng, không phân biệt đối xử trong lao động đối với nhóm MTF. Từ đó, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện các quy định trong Bộ Luật Lao động 2019 theo tiêu chuẩn lao động quốc tế, khi mà Việt Nam đã phê chuẩn gia nhập các Công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: **Nguyễn Đức Trí**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Giảng viên, Trường Đại học Kinh tế - Tài Chính TP.HCM

PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ THAI SẢN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG NỮ - THỰC TRẠNG VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

Nguyễn Mộng Cầm, Trần Hoàng Tuấn Đạt

Tóm tắt

Bình đẳng giới luôn là vấn đề được quan tâm lớn, là một phần quan trọng trong việc bảo vệ nhân quyền trên toàn cầu. Nó không chỉ liên quan đến việc bảo đảm các quyền lợi, cơ hội và đối xử công bằng của nam và nữ mà còn đề cập đến việc thay đổi các quan điểm xã hội về vai trò và giá trị của mỗi giới tính trong xã hội. Vấn đề bình đẳng giới trong xã hội ngày nay là hướng đến bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng gắn liền với những đặc điểm về giới trong cuộc đời của họ. Trong số đó, cần phải kể đến những quy định và các chính sách phúc lợi cho lao động nữ trong thời kỳ thai sản và hậu thai sản. Bài viết này, nhóm tác giả tập trung phân tích những quy định pháp luật riêng biệt đối với lao động nữ nhằm bảo đảm những lợi ích hợp pháp cho lao động nữ mang thai và nuôi con trong suốt thời gian thai sản và hậu thai sản, từ đó chỉ ra những điểm bất cập của pháp luật và đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: **Nguyễn Mộng Cầm**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Phó Trưởng Bộ môn Luật-Khoa Luật-Trường Đại học Nam Cần Thơ

QUYỀN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ BẢO VỆ NỮ GIỚI TRONG PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Mai Kim Hân, Nguyễn Anh Quốc

Tóm tắt

Ở Việt Nam, cùng với sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ thương mại, bảo vệ người tiêu dùng ngày càng được quan tâm, nhưng vẫn chưa nhận được nhiều sự chú ý, đặc biệt là liên quan đến việc hoàn thiện khung pháp lý. Thực tiễn cho thấy, người tiêu dùng là nữ giới chiếm số đông trong các giao dịch mua sắm, tiêu dùng và quyền lợi rất dễ bị ảnh hưởng. Nhận thức được những thách thức đặc biệt mà phụ nữ phải đối mặt trong các giao dịch tiêu dùng, pháp luật cần được thiết kế để giải quyết và khắc phục các lỗ hổng liên quan đến nhóm người tiêu dùng dễ bị tổn thương. Điều này đòi hỏi phải đảm bảo rằng phụ nữ được bảo vệ khỏi các hành vi phân biệt đối xử, tiếp thị lừa đảo và các điều khoản hợp đồng không công bằng. Các cơ chế bảo vệ nên mở rộng bao gồm các sản phẩm và dịch vụ có tác động không cân xứng đến phụ nữ, chẳng hạn như chăm sóc sức khỏe, sản phẩm làm đẹp và dịch vụ tài chính. Hơn nữa, việc thúc đẩy tính minh bạch và khả năng tiếp cận trong phổ biến thông tin trở thành yếu tố then chốt để trao quyền cho phụ nữ với tư cách là người tiêu dùng, giúp họ đưa ra những lựa chọn sáng suốt. Luật bảo vệ người tiêu dùng 2023 ra đời đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của nhóm người tiêu dùng dễ bị tổn thương, đặc biệt tập trung vào việc giải quyết những thách thức mà phụ nữ phải đối mặt. Bảo vệ quyền của những người tiêu dùng dễ bị tổn thương không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn góp phần xây dựng một thị trường công bằng và toàn diện, tôn trọng phẩm giá và quyền tự chủ của tất cả người tiêu dùng. Bài nghiên cứu nhằm đánh giá những quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng dễ bị tổn thương, đặc biệt là nữ giới dựa trên tổng quan nghiên cứu các văn bản pháp luật hiện hành. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ quyền lợi của nữ giới trong giai đoạn hiện nay.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Mai Kim Hân

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Khoa Luật - Trường Đại học Nam Cần Thơ

Chức vụ: Giảng viên

Điện thoại: 0939 515 587

Email: hanmaikim@gmail.com

Địa chỉ: số 168, đường Nguyễn Văn Cừ nội dài, phường An Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM

Võ Công Khôi

Tóm tắt

Pháp luật về bình đẳng giới đóng vai trò quan trọng đối với bảo đảm bình đẳng giới trong xã hội, góp phần nâng cao vị thế và bảo đảm bình đẳng về quyền của người phụ nữ; đồng thời, giảm thiểu những đối xử khác biệt và tạo lập sự ngang nhau về cơ hội phát triển cho nữ giới ở Việt Nam. Đặc biệt, với sự ra đời của Luật Bình đẳng giới năm 2006, hệ thống các quy định về bình đẳng giới đã có nhiều thay đổi tích cực, tạo nền tảng pháp lý quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng giới ngày càng thực chất. Dựa trên cách tiếp cận đa ngành và phương pháp nghiên cứu định tính, bài viết đánh giá thực trạng các quy định pháp luật về bình đẳng giới trên cả hai phương diện ưu điểm và hạn chế. Trên cơ sở này, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về bình đẳng giới, góp phần thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới ở Việt Nam và sự phát triển của phụ nữ trong Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Võ Công Khôi

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Giảng viên, Học viện Chính trị khu vực III

PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI GIỚI TÍNH: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Phạm Thị Hồng My

Tóm tắt

Chuyển đổi giới tính chính là một trong các quyền nhân thân của cá nhân. Một số quốc gia trên thế giới từ lâu đã công nhận quyền chuyển đổi giới tính và ở Việt Nam, dưới góc độ pháp lý, văn bản đầu tiên và duy nhất chính thức ghi nhận là Bộ luật Dân sự năm 2015 đã khẳng định tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân chuyển đổi giới tính. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền này thì Bộ luật quy định rõ: Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Hiện tại, chúng ta đang có Dự thảo Luật chuyển đổi giới tính và thực tiễn cho thấy, việc học hỏi kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia đã ban hành Luật chuyển đổi giới tính từ rất sớm như Cộng hòa liên bang Đức hay Ấn Độ, Vương quốc Anh... sẽ giúp Việt Nam xây dựng hành lang pháp lý đảm bảo tốt hơn nữa quyền của công dân về chuyển đổi giới tính. Chẳng hạn ở Đức, tháng 8 năm 2023, Chính phủ Đức đã thông qua đề xuất về một đạo luật tự quyết giúp người chuyển đổi giới tính dễ dàng thay đổi tên và giới tính của họ một cách hợp pháp, loại bỏ đi yêu cầu trong luật chuyển đổi giới tính hiện hành yêu cầu người chuyển đổi giới tính phải nhận được đánh giá của chuyên gia và sự cho phép của tòa án. Kết quả nghiên cứu của bài viết đóng góp xây dựng Dự thảo Luật chuyển đổi giới tính của Việt Nam dựa trên kinh nghiệm quốc tế. Để thực hiện mục tiêu này, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với trường hợp cụ thể dựa trên nguồn tài liệu thứ cấp như văn bản pháp luật; số liệu; công trình nghiên cứu trong và ngoài nước của học giả.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Phạm Thị Hồng My, Thạc sĩ

Giảng viên trường Đại học Sài Gòn

ĐẢM BẢO QUYỀN AN SINH XÃ HỘI CỦA LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 Ở VIỆT NAM

*Trần Thị Lệ Hằng, Vũ Thị Uyên,
Đào Thị Hồng Ngọc, Trần Phương Mai*

Tóm tắt

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, làn sóng lao động di cư ở Việt Nam đang theo hướng ngày càng đa dạng. Đặc biệt, lực lượng lao động di cư trong đó chủ yếu là lao động nữ di cư tập trung rất lớn tại các thành thị. Tuy nhiên, với đặc thù xa gia đình, xa quê hương, thu nhập không ổn định, lao động nữ di cư thường gặp nhiều khó khăn, chịu nhiều thiệt thòi, dễ bị tổn thương, nhưng mạng lưới an sinh xã hội từ trước đến nay chưa thực sự bao phủ nhiều đến họ, đặc biệt là nhóm lao động nữ ở khu vực kinh tế phi chính thức. Họ chưa thực sự được đảm bảo đầy đủ những quyền lợi từ các chính sách an sinh xã hội như lao động, việc làm, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội, các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, tiếp cận thông tin... Vì vậy, đảm bảo quyền an sinh xã hội của lao động nữ di cư đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng cuộc sống và đáp ứng các nhu cầu tối thiểu cho họ. Bài viết dưới đây sẽ phân tích các biện pháp bảo đảm quyền an sinh xã hội của lao động nữ di cư trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam và thực trạng pháp luật Việt Nam về đảm bảo quyền an sinh xã hội của lao động nữ di cư. Từ đó, đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật về đảm bảo quyền an sinh xã hội đối với họ. Bài viết chỉ nghiên cứu về đảm bảo quyền an sinh xã hội của nhóm lao động nữ di cư trong nước, theo xu hướng từ khu vực nông thôn ra thành thị.

Từ khóa: *an sinh xã hội, cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo, lao động nữ di cư*

THÔNG TIN TÁC GIẢ

- Họ và tên: Trần Thị Lệ Hằng
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Cơ quan công tác: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
Chức vụ: Giảng viên
Điện thoại: 0936207868
Email: ttlhang@daihocthudo.edu.vn
Địa chỉ: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; số 98 Dương Quảng Hàm, Hà Nội.
- Họ và tên: Vũ Thị Uyên
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Cơ quan công tác: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Chức vụ: Giảng viên
Điện thoại: 0966639883
Email: vtuyen@daihocthudo.edu.vn
Địa chỉ: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; số 98 Dương Quang Hàm, Hà Nội.

3. Họ và tên: Đào Thị Hồng Ngọc
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Cơ quan công tác: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
Chức vụ: Giảng viên
Điện thoại: 0358322648
Email: dthngoc@daihocthudo.edu.vn
Địa chỉ: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; số 98 Dương Quang Hàm, Hà Nội.

4. Họ và tên: Trần Phương Mai
Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Cơ quan công tác: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
Chức vụ: Giảng viên
Điện thoại: 0942059090
Email: tpmmai@daihocthudo.edu.vn
Địa chỉ: Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; số 98 Dương Quang Hàm, Hà Nội.

XÃ HỘI HÓA PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI

Nguyễn Thị Thu Trang, Dương Minh Truyền

Tóm tắt

Hôn nhân đồng giới được hiểu là sự kết hợp về mặt thực tiễn hoặc pháp luật đời sống vợ chồng giữa hai người nam giới hoặc nữ giới. Quan điểm của các quốc gia trên thế giới nhìn nhận vấn đề hôn nhân đồng giới được thể hiện khác nhau; có quốc gia thể hiện rõ quy định pháp luật thừa nhận, nhưng có quốc gia chỉ xem xét hôn nhân đồng giới ở góc độ thói quen, hoặc xu hướng xã hội, hoặc góc độ tôn giáo.

Vấn đề hôn nhân đồng giới thường xảy ra sự mâu thuẫn về góc độ xã hội và pháp luật giữa những người ủng hộ và những người chống đối. Từ quan điểm khác nhau giữa các bên đã dẫn đến cách nhìn nhận và đánh giá, đồng thời phác họa rõ hành vi thừa nhận về hôn nhân đồng giới là một trong những vấn đề xã hội quan trọng; cho thấy sự đa dạng của văn hóa tồn tại ngay trong mỗi quốc gia và cả trong mỗi quan hệ giữa các quốc gia.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên:

1. Thạc sĩ Nguyễn Thị Thu Trang
2. Thạc sĩ Dương Minh Truyền

Cơ quan công tác:

Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: Ms.Trang (0909587194); Ms.Truyền (0913898389)

Email: trangntt@huflit.edu.vn; truyendm@huflit.edu.vn

Địa chỉ: 828 Sư Vạn Hạnh, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh;

32 Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

Phần 2

NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ GIỚI TRONG TRUYỀN THÔNG VÀ GIÁO DỤC

GIỚI VÀ GIÁO DỤC GIỚI QUA THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Vân Anh

Tóm tắt

Trong những năm gần đây, vấn đề giới ngày càng được quan tâm và nghiên cứu ở nhiều ngành khoa học khác nhau. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giới đã trở thành đề tài nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội. Nghiên cứu về giới trong thành ngữ tiếng Việt – một đơn vị của ngôn ngữ dân tộc – nhằm làm rõ nhận thức, tìm thấy những đặc điểm riêng của tư duy dân tộc, quan điểm thẩm mỹ, đạo lí làm người, luật đối nhân xử thế, lối sống, cách nghĩ, cách cảm cũng như quan niệm về giới, về định kiến giới được phản ánh qua việc sử dụng ngôn từ ở đơn vị ngôn ngữ này. Từ đó, thông qua việc dạy thành ngữ ở nhà trường nhằm giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh nói chung và giáo dục về giới nói riêng đáp ứng được các mục tiêu trong dạy học phát triển năng lực theo yêu cầu đổi mới hiện nay.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Nguyễn Thị Vân Anh

Học hàm, học vị: Phó Giáo sư, Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Khoa Sư phạm, Trường Đại học Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Chức vụ: Trưởng Bộ môn

Điện thoại: 0839336969

Email: nguyenthivananh@qnu.edu.vn

Địa chỉ: Số 12B/14 đường Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

ẢNH HƯỞNG CỦA GIA ĐÌNH TỚI VIỆC XÁC ĐỊNH CÁC GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP PHÙ HỢP CỦA NỮ HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Ngô Thanh Thủy, Nguyễn Xuân An, Lê Thị Phương

Tóm tắt

Sự phát triển của các ngành khoa học – kỹ thuật ngày càng mạnh mẽ kéo theo sự thay đổi việc xác định các giá trị nghề nghiệp phù hợp của giới trẻ. Một số nghiên cứu đã khám phá thấy sự khác biệt giới trong việc xác định các ngành nghề chịu một phân tác động không nhỏ từ phía gia đình. Đặc biệt những nghiên cứu tập trung khai thác đối tượng là học sinh nữ còn chưa được thực hiện một cách hệ thống. Thông qua việc khảo sát trên 327 học sinh nữ đang học ở các trường THPT ở Việt Nam, kết quả phân tích đã chỉ ra các giá trị nghề nghiệp mà nữ học sinh đang mong muốn hướng tới. Các giá trị nghề nghiệp này được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên bao gồm: giá trị lao động, giá trị xã hội, giá trị kinh tế, giá trị phát triển bản thân, giá trị gia đình và truyền thống. Các giá trị nghề nghiệp này chịu ảnh hưởng từ các điều kiện khách quan khác nhau. Giáo dục gia đình được xem là một trong những yếu tố có tác động đáng kể. Đặc biệt, kỳ vọng về giới cũng như kỳ vọng về sự nỗ lực phấn đấu của học sinh nữ ở mức độ tương đối cao. Trong đó, xuất phát từ quan điểm về vai trò của nữ giới, theo bối cảnh cụ thể là xã hội Việt Nam, còn chịu nhiều ảnh hưởng từ các quan điểm phong kiến, nho giáo trước đây.

Từ khóa: Giá trị nghề nghiệp, Nữ học sinh, Trung học phổ thông

THÔNG TIN TÁC GIẢ

TS. Ngô Thanh Thủy

Trung tâm Tâm lý học và Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

ThS. Nguyễn Xuân An

Viện Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Hòa Bình

TS. Lê Thị Phương

Viện Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Hòa Bình

BÀN VỀ GIỚI TRONG SỬ THI STIÊNG VÀ MNÔNG

Hà Thị Thới

Tóm tắt

Stiêng và Mnông là hai tộc người thuộc ngữ hệ Môn-Khmer, sinh sống kế cận nhau, chủ yếu ở các tỉnh Đăk Lăk, Đăk Nông, Bình Phước. Khi nghiên cứu sản phẩm văn hóa độc đáo của hai tộc người này không thể không xét đến sử thi. Qua khảo sát hệ thống sử thi, tôi nhận thấy nổi bật lên đó là sự phân công nhiệm vụ, địa vị, quyền nam và nữ mang tính cân bằng và nhân văn. Trong các chuyến thực địa điền dã, tôi đã quan sát và ghi nhận những điểm đáng chú ý về giới trong đời sống văn hóa cộng đồng dưới sự chi phối của thiết chế mẫu hệ và dần chuyển sang phụ hệ. Tuy nhiên thiết chế mẫu hệ và phụ hệ lại có những biểu hiện đặc trưng dựa trên văn hóa tộc người mà chúng ta không thể giản lược thành một mẫu số chung. Có thể nói vai trò giới trong sử thi được chi phối bởi tư duy về giới của thiết chế văn hóa mỗi tộc người. Trong bài viết này, tôi dựa vào lý thuyết cấu trúc ngữ văn học và lý thuyết văn hóa nữ quyền để khai thác sử thi Stiêng và Mnông (chọn lọc tác phẩm). Sau đó, tiến hành so sánh với những ghi nhận điền dã về giới trong đời sống cộng đồng hai tộc người nhằm khẳng định những quan điểm, thực hành (có thể ý thức hoặc vô thức) về giới cân bằng và nhân văn của cộng đồng Stiêng và Mnông.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Họ và tên: Hà Thị Thới

Học hàm, học vị: Ths

Cơ quan công tác: Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh

Chức vụ: Giảng viên

Hiện là Nghiên cứu sinh, khoa Văn học, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. HCM.

Điện thoại: 0973357712

Email: missthoi.folklore@gmail.com

Địa chỉ: Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

NĂNG LỰC SỐ CỦA SINH VIÊN TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM: MỘT NGHIÊN CỨU SỰ KHÁC BIỆT VỀ GIỚI

Nguyễn Xuân An, Hoàng Vũ Linh Chi

Tóm tắt

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ kỹ thuật số, yêu cầu về việc phát triển năng lực số cho sinh viên đã trở thành vấn đề cấp bách. Bài viết này trình bày thực trạng năng lực số của sinh viên tại một số trường đại học công lập ở Việt Nam dựa trên hệ thống năng lực số được nhóm nghiên cứu phát triển dựa trên “*Khung năng lực số dành cho sinh viên*” (DigiLit 1.0) của Đỗ Văn Hùng và cộng sự (2022) được phát triển dựa trên kết quả hợp tác giữa trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Tập đoàn Meta trong khuôn khổ Tư duy thời đại số để làm cơ sở nền tảng phát triển các khóa đào tạo nâng cao năng lực số cho sinh viên Việt Nam trong thế kỷ 21, với 04 nhóm năng lực bao gồm 17 năng lực thành phần: (1) *Nhóm năng lực về tìm kiếm, đánh giá và quản lý dữ liệu, thông tin, nội dung số*; (2) *Nhóm năng lực về giao tiếp, hợp tác trong môi trường số*; (3) *Nhóm năng lực về sáng tạo nội dung số*; và (5) *Nhóm năng lực về an toàn số*. Từ đó, nhóm nghiên cứu tìm hiểu có hay không sự khác biệt về giới trong năng lực số của nhóm các sinh viên này. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng có sự khác biệt về giới trong 05/05 năng lực thành phần của nhóm năng lực (1), 04/05 năng lực thành phần của nhóm năng lực (2), 03/04 năng lực thành phần của nhóm năng lực (3), 04/04 năng lực thành phần của nhóm năng lực (4). Đây sẽ là những đóng góp thực chứng quan trọng về khoa học và thực tiễn đối với các nhà khoa học nghiên cứu về năng lực số nói chung và năng lực số cho sinh viên nói riêng, cũng như đối với các nhà quản lý, các nhà thực hành giáo dục đại học, giảng viên và sinh viên của các trường đại học công lập ở Việt Nam trong việc phát triển năng lực số cho sinh viên để thích ứng với kỷ nguyên số.

Từ khóa: Năng lực số, Giới, Sinh viên, Việt Nam

THÔNG TIN TÁC GIẢ

ThS. Nguyễn Xuân An

Viện Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Hòa Bình

TS. Hoàng Vũ Linh Chi

Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam